

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 09- 01- 2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Trí;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 442/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phương Thị Hồng T, sinh năm 1983; địa chỉ: Số D đường L, Khu phố D, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Liêu Hồng Q, sinh năm 1978; địa chỉ: Số D đường L, Khu phố D, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện ngày 27/9/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phương Thị Hồng T trình bày:** Bà Phương Thị Hồng T và ông Liêu Hồng Q tự nguyện tìm hiểu nhau, kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương vào ngày 30/9/2003. Quá trình sống chung, vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc. Một phần do quan điểm sống không hợp nhau, phần nữa là do ông Q không phụ bà chăm lo cho gia đình cũng như chăm sóc con, một mình bà phải đi làm xoay xở nuôi dạy con cái. Bà đã góp ý nhiều lần nhưng không thay đổi. Vì thương con nên bà đã cố gắng chịu đựng nhiều năm. Đến khi bà sinh cháu H (năm 2014), bà đã dọn về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay, còn ông Q vẫn sống chung cha mẹ ruột của ông Q. Nay bà T nhận thấy không thể tiếp tục sống chung, tình cảm bà T dành cho ông Q không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông Liêu Hồng Q.

Về con chung: Bà T và ông Q có 02 người con chung là cháu là Liêu Minh Q1, sinh ngày 03/7/2005 và cháu Liêu Minh H1, sinh ngày 04/8/2014. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1. Riêng cháu Q1 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đối với bị đơn ông Liêu Hồng Q:** Ông Liêu Hồng Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Q không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

+ Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các điều 70, 71, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại các điều 70, 72, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến và yêu cầu khắc phục gì thêm về tố tụng.

+ Về mặt nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy: Mâu thuẫn giữa bà T và ông Q đã trầm trọng, không thể hàn gắn làm cho mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Về con chung, nhận thấy cháu Liêu Minh H1, sinh ngày 04/8/2014 đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng, cháu H1 cũng có nguyện vọng được sống chung với bà T nên căn cứ theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu H1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Riêng cháu Q1 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Phương Thị Hồng T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Liêu Hồng Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Q kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thị xã T, tỉnh Bình Dương vào ngày 30/9/2003 theo đúng quy định về đăng ký kết hôn tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nguyên đơn bà T cho rằng: Nguyên nhân vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, ông Q không tu chí làm ăn, không phụ bà chăm lo cho gia đình và con cái, một mình bà xoay xở và chăm sóc con. Do không thể sống chung với nhau nên từ năm 2014 bà đã về sống chung với cha mẹ ruột cho đến nay.

Xét thấy: Bị đơn ông Liêu Hồng Q đã được triệu tập nhiều lần đến làm việc nhưng ông Q không chấp hành và cũng không có bất kỳ ý kiến phản hồi nào đối với yêu cầu của bà T, chứng tỏ ông Q không có thiện chí hàn gắn tình cảm gia đình. Phía bà T và ông Q cũng đã sống ly thân với nhau từ năm 2014 cho đến nay. Do tình trạng mâu thuẫn giữa bà T và ông Q đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà T yêu cầu được ly hôn với ông Q là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà T và ông Q có 02 con chung là cháu Liêu Minh Q1, sinh ngày 03/7/2005 và cháu Liêu Minh H1, sinh ngày 04/8/2014. Nhận thấy, hiện cháu H1 đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Cháu H1 cũng có nguyện vọng được sống chung với bà T. Về phía ông Q không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà T nên việc giao cháu H1 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là chính đáng và phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Riêng cháu Q1 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 203, Khoản 1 Điều 227, 228, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phương Thị Hồng T đối với bị đơn ông Liêu Hồng Q về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phương Thị Hồng T được ly hôn với ông Liêu Hồng Q.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Liêu Minh H1, sinh ngày 04/8/2014 cho bà Phương Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng.

Riêng con cháu Liêu Minh Q1, sinh ngày 03/7/2005 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phương Thị Hồng T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con

có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với người không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung là Liêu Minh H1, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phương Thị Hồng T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Phương Thị Hồng T phải chịu số tiền 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng), được trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2023-0000988 ngày 24/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- UBND phường Chánh Nghĩa;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Hằng

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Đường sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hoa Hạnh